

Hà Nam, ngày 04 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung ứng trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm và môi trường

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá một số mặt hàng: Trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm và môi trường phục vụ chuyên môn năm 2025 để tham khảo, làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức việc đấu thầu theo quy định; Trung tâm kính đề nghị Quý Công ty, các nhà cung ứng trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm và môi trường tại Việt Nam có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá đối với các danh mục theo yêu cầu, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, phường Châu Cầu, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Tổ chức - Hành chính thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Điện thoại liên hệ: 02263.852.698 (trong giờ hành chính)

Hoặc gửi bản báo giá scan qua email: baogiacdchanam@gmail.com

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong vòng 11 ngày kể từ lúc đăng tải thành công trên hệ thống mạng.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 180 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất, vật tư: *Phụ lục kèm theo.*

2. Báo giá đã bao gồm thuế và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Trung tâm rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty, các nhà cung cấp. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Khoa TT-GDSK; (để đăng tin)
- Lưu: Tổ chào giá.



GIÁM ĐỐC

Vũ Kim



DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM, MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 07/5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Phân loại
A	DANH MỤC HÓA CHẤT					
I	DANH MỤC HOÁ CHẤT KHÔNG PHÂN LOẠI					
1	A xít nitric (HNO3)	Nồng độ ≥ 65%, có COA đi kèm Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000 ml	Chai	2	Không phân loại
2	Axit sunphuric	Loại đậm đặc Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	1	
3	Chuẩn kali permanganat	Nồng độ 0,1N, Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	1	
4	Coban (II) clorua	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 25g	Lọ	1	
5	Dung dịch chuẩn Na ₂ EDTA	Nồng độ 0,01mol/L, Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1000ml	Chai	1	
6	Kali hydroxyt	Dạng bột, kèmCOA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	1	
7	Natri nitrosopentaxyano sắt (III)	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 25g	Lọ	1	
8	Natri salixylat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 250g	Lọ	1	
9	Trinatri xytrat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 500g	Hộp	1	
10	Kali hexacloroplatinat(IV)	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 1g	Lọ	2	
11	Amoni clorua	Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	500g/Hộp	Hộp	01	
12	Amoniac	Dung dịch đậm đặc(trên 25%) Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	1000ml/Chai	Chai	01	
13	Chuẩn gốc Amoni	Hàm lượng 1 ppm Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500ml	Chai	01	
14	Dinatri magie EDTA	Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	50g/Lọ	Lọ	01	



15	Etanol	Dung dịch đậm đặc(trên 96%) Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích. Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	1000ml/Chai	Chai	01	Không phân loại
16	Formazin 1000NTU	Dung dịch 1000NTU Kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn chất chuẩn Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nhận	500ml/ Chai	Chai	01	
17	Natri diclorosoxyanurat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	Lọ 100g	Lọ	01	
18	Natri hydroxyd	Dạng bột hoặc viên tròn, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	500g/Hộp	Hộp	01	
19	Natri Oxalat	Dạng bột, kèm COA hóa chất đạt tiêu chuẩn dùng trong phòng phân tích Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nhận	250g/Lọ	Lọ	01	
20	Màng lọc Cellulose Nitrate	Tiết trùng, kẻ sọc, 0,45 µm; Ø 47 mm Có Certificate of Analysis (COA) đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	100 chiếc/ Hộp	Hộp	06	TTBYT Loại A
II DANH MỤC HOÁ CHẤT PHÂN LOẠI						
1	Plate Count Agar (PCA)	Độ tan: 22.5 g/l, pH: 7.0 ở 25 độ C (sau khi khử trùng ướt) Có CoA đi kèm. Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
2	Thạch Sabouraud Glucose Agar	Giá trị pH: 5.5 – 5.7 (47 g/l, H ₂ O, 25 °C) (sau tiết trùng ướt) Độ tan: 47 g/l; 2% glucose. Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
3	Buffered Peptone Water	pH: 6.8 – 7.2; 2% glucose Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
4	Chủng chuẩn E.coli ATCC® 25922™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	
5	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC® 29212™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	
6	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC® 27853™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	
7	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC® 6538™	Dạng đông khô không quá 04 đời; có CoA đi kèm, hướng dẫn sử dụng Hạn sử dụng: còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nhận	02 que/ Hộp	Hộp	01	

RUN
TIEM
BENH
NH H

8	Đĩa giấy Oxydase	Cytochrome oxidase P.aeruginosa ATCC : (+) E.coli ATCC : (-) Đường kính đĩa 6mm; có CoA đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	20 đĩa/ Lọ	Lọ	3	TTBYT Loại A
B DANH MỤC SINH PHẨM HIV						
1	Kít thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (Sinh phẩm 1)	Phát hiện đồng thời cả kháng thể HIV 1/2, phát hiện được tất cả các phân nhóm của HIV-1 Độ nhạy $\geq 99,8\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$. Độ nhạy và độ đặc hiệu phải dựa vào kết quả đánh giá Quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế có uy tín khác (WHO, CDC, NRL...) Được Bộ Y tế cho phép sử dụng: Có giấy chứng nhận lưu hành của Bộ Y tế và phân loại trang thiết bị y tế chẩn đoán invitro thuộc loại C, D theo TT05/2022 Hạn sử dụng: còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận	100 test/gói	Test	600	TTBYT Loại D
2	Kít thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (Sinh phẩm 2)	Được BYT cấp phép lưu hành và phân loại trang thiết bị chẩn đoán invitro thuộc loại C,D theo TT05/2022 Sinh phẩm phải phát hiện HIV 1/2 và tất cả các phân nhóm của HIV-1 Cho kết quả phân biệt rõ ràng HIV 1 và HIV 2 Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm. Không có phản ứng chéo với các mẫu thử tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. Hạn sử dụng: còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận	30 test/ hộp	Test	60	

TỈNH
 TÂM
 SOÁT
 TẬT
 NAM

3	Kít thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (Sinh phẩm 3)	Được Bộ Y tế cấp phép lưu hành và phân loại trang thiết bị C, D theo thông tư 05/2022. Loại sinh phẩm xét nghiệm HIV nhanh thuộc thể hệ thứ 3, có thể phát hiện kháng thể HIV 1 và 2. Khác với sinh phẩm số 1 và số 2 Độ nhạy: $\geq 99,5\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. Phải được đánh giá quốc gia hoặc các tổ chức ... Xét nghiệm định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV -1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV. Độ nhạy: 99.47%; Độ đặc hiệu: 99.87% Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW Hạn sử dụng: còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận	40 test/hộp	Test	40	TTBYT Loại D
C DANH MỤC SINH PHẨM, MÔI TRƯỜNG						
1	Dengue IgM Elisa	Chứng nhận CE - IVD Tương thích với máy đọc ELISA Convergys EL- Reader 96X, model 1100-1310 Được phép lưu hành tại Việt Nam Hạn sử dụng: còn tối thiểu 16 tháng kể từ ngày nhận	96 giếng/ Hộp	Hộp	02	Không phân loại
2	Rubella IgM Elisa	Chứng nhận CE - IVD Tương thích với máy đọc ELISA Convergys EL- Reader 96X, model 1100-1310 Được phép lưu hành tại Việt Nam Hạn sử dụng: còn tối thiểu 16 tháng kể từ ngày nhận	96 giếng/ Hộp	Hộp	02	
3	Sởi IgM Elisa	Chứng nhận CE - IVD Tương thích với máy đọc ELISA Convergys EL- Reader 96X, model 1100-1310 Được phép lưu hành tại Việt Nam Hạn sử dụng: còn tối thiểu 16 tháng kể từ ngày nhận	96 giếng/ Hộp	Hộp	02	
4	Dengue NS1 Ag Test	Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên NS1 của virus sốt xuất huyết trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bộ kit gồm: 20 cassette gói giấy bạc, pipette và chất hút ẩm; 1 ống dung dịch đệm; 1 tấm đệm mẫu Độ nhạy tương đối: 97.2%; Độ đặc hiệu tương đối: 99.5%; Độ chính xác: 98.8% Bảo quản: 2-30°C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. Được phép lưu hành tại Việt Nam Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	25 test/ hộp	Test	50	TTBYT Loại C

5	Influenza A/B Test	Độ nhạy lâm sàng: $\geq 97.44\%$ với cúm typ A; $\geq 90.63\%$ với cúm typ B so với PCR; - Độ đặc hiệu lâm sàng: 100.00% với cúm typ A; $\geq 98.82\%$ với cúm typ B so với PCR Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	25 test/ hộp	Test	50	
6	Ag SARS-CoV-2	Phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu dịch họng, tỵ hầu ở người. Độ nhạy $\geq 95\%$ và độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Được phép lưu hành tại Việt Nam Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	25 test/ hộp	Test	50	TTBYT Loại D
7	V. cholerae As Inaba	Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Sero var Inaba). Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	TTBYT Loại A
8	V. cholerae As Ogawa	Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Sero var Ogawa). Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
9	Salmonella As Vi	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
10	Salmonella As O2	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	
11	Salmonella As O4	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: Lọ/2ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	

12	Salmonella As O7	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
13	Salmonella As O8	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
14	Shigella As dysenteriae poly A	Kháng huyết thanh định danh Shigella dysenteriae. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
15	Shigella As Flexneri poly B	Kháng huyết thanh định danh Shigella flexneri. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
16	Shigella As boydii poly C	Kháng huyết thanh định danh Shigella boydii. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
17	Shigella As sonnei poly D	Kháng huyết thanh định danh Shigella sonnei. Bảo quản ở 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
18	Escherichia coli As poly 1	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)(Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 1) và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
19	Escherichia coli As poly 2	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)(Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 2) và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01
20	Escherichia coli As poly 3	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)(Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 3) và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01

TTBYT
Loại A

TRUN
KIỂM
BỆNH
INH

21	- Escherichia coli As poly 4	Sản phẩm kháng huyết thanh chứa kháng thể somatic đặc hiệu (O)(Huyết thanh đa giá : lợn) (poly 4)và 0.08 w/v% sodium azide là chất bảo quản. Bảo quản: 2-10°C. Đóng gói: Lọ/2ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO Hạn sử dụng: còn tối thiểu 08 tháng kể từ ngày nhận	2 ml/ Lọ	Lọ	01	TTBYT Loại A
22	BHI broth	Ph :7.2 - 7.6 ở 25 độ C sau khi hấp tiệt trùng ; Độ hòa tan: 37 g/l, H ₂ O, 37 °C, có CoA đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
23	Endo agar	Ph: 7.2 - 7.6 ở 25 độ C sau khi hấp tiệt trùng Độ hòa tan: 39 g/l. Có CoA đi kèm Hạn sử dụng: còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500g/ Hộp	Hộp	01	
D	DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO					
I	DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO KHÔNG PHÂN LOẠI					
1	Viên khử khuẩn nhanh	Thành phần: Natri Dichloroisocyanutrale Dạng bột 50%, Adipic acid 22.5%, các thành phần khác 27.5% Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	100 viên/ Hộp	Hộp	10	Không phân loại
2	Hộp an toàn	Giấy duplex kháng thùng, Kích thước: 150 x 120 x 270mm Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	70	
3	Băng keo chỉ thị nhiệt	ISO 9001:2008; ISO 13485:2016, kích thước :12mmx55m Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 10 tháng kể từ ngày nhận	Cuộn	Cuộn	02	
4	Gel siêu âm	Cảm quan trong, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước. Độ PH (dung dịch 20% trong nước): 4,0-8,0. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	250 ml/chai	chai	70	
5	Giấy in nhiệt siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Cuộn	Cuộn	35	
6	Kim trích Y tế	Dùng để lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu. Sản phẩm sử dụng một lần. HSD 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp	Chiếc	2.400	
7	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết dùng cho máy One Touch Verio. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp	Que	2.400	
8	Đường glucose	Dạng bột, màu trắng, tan trong nước, loại 500g/túi. HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Túi	kg	30	
9	Mỏ vệt dùng 1 lần	tiệt trùng, đạt các tiêu chuẩn CE; Kích cỡ: size M. HSD: ≥ 12 tháng kể từ khi nhận	20 chiếc/túi	chiếc	1.550	
10	Acid acetic 3%	Độ tinh khiết 99%, dạng lỏng, màu trắng. HSD: ≥ 12 tháng kể từ khi nhận	500ml/chai	chai	5	
11	Dung dịch I ốt hữu cơ	Dung dịch Povidine 10% với thành phần chính povidon iod, là thuốc sát khuẩn, vết trầy và vết bong nhỏ, sát khuẩn da trước khi phẫu thuật và giúp giảm các vi khuẩn có khả năng gây nhiễm trùng. Hoạt chất: Povidon iod 10g Tá dược: Dinatri hydrophosphat, acid citric, natri hydroxyd, glycerin, nonoxynol 9, nước tinh khiết vừa đủ 100 ml. HSD: ≥ 12 tháng kể từ khi nhận	500ml/chai	chai	31	

TÍNH
GIA
SOA
H T
IA N

12	Săng y tế	Được làm từ vải không dệt, tiệt trùng; mịn màng, mềm mại. Dùng một lần: kích thước săng không lỗ 80cm x 120 cm. HSD: ≥ 12 tháng kể từ khi nhận	Chiếc	chiếc/ gói	28	Không phân loại
II DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO PHÂN LOẠI						
1	Đĩa peptri vô khuẩn dùng một lần	Tiệt trùng bằng EO $\varnothing 90$ mm , cao 15mm. Đóng gói chân không. Chất liệu B117Polystyrene Hạn sử dụng: Không áp dụng	Thùng 500 chiếc	Thùng	01	TTBYT Loại A
2	Que cấy nhựa vô trùng dùng 1 lần 10 μ l	Que cấy vi sinh đầu tròn 10ul đã tiệt trùng bằng tia gamma; chất liệu nhựa PE Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	125	
3	Cồn y tế	Cồn Ethanol 70 độ, không màu trong suốt, có mùi cồn đặc trưng hoặc tương đương Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	Chai 500 ml	Chai	31	
4	Bông y tế	Được làm từ 100% bông tự nhiên. Khả năng thấm hút cao và nhanh Hạn sử dụng: Còn 18 tháng kể từ ngày nhận	Bịch 1kg	Bịch	18	
5	Găng tay y tế	Găng tay y tế dùng một lần, không bột, chất liệu cao su latex, màu trắng, size M Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Hộp 50 đôi	Hộp	34	
6	Khẩu trang y tế	3 lớp: Lớp 1: Vải không dệt 100% PE Lớp 2: Vải kháng khuẩn Melt Blown 100% PP Lớp 3: Vải không dệt 100% PE Tiêu chuẩn: QCVN 08:2012/BLĐTBXH Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	50 chiếc/ Hộp	Hộp	88	
7	Tube nhựa	Chất liệu: nhựa PP, không chống đông, thể tích 5ml, có nắp cao su nút chặt, kín có hạt serum; nắp cao su nút kín. Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	500 chiếc/ túi	Chiếc	700	
8	Đầu côn 10 μ l	Vô khuẩn, có vạch chia, có lọc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 96 chiếc	Hộp	05	
9	Đầu côn 1000 μ l	Vô khuẩn, có vạch chia, có lọc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 96 chiếc	Hộp	05	
10	Đầu côn 200 μ l	Vô khuẩn, có vạch chia, có lọc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 96 chiếc	Hộp	05	
11	Môi trường vận chuyển mẫu bệnh phẩm vi khuẩn	Thành phần: Disodium hydrogen phosphate 1,1mg/L Sodium thioglycollate 1,5mg/L. Sodium chloride 5,0mg/L. Calcium chloride 0,09mg/L Agar 5,6mg/L. pH 8,4 $\pm$ 2; Bảo quản ở nhiệt độ ≥ 25 độ C Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Túi 20 ống	Túi	02	

12	Môi trường vận chuyển mẫu bệnh phẩm vi rút	Thành phần: BSA 0.75g/L. vancomycin 20mg/L. Gentamicin 50mg/ml 250µg/mL Amphotericin B (Fungizone) Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nhận	Ống	Ống	50	TTBYT Loại A
13	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	Chủng loại: Transport Swab; Chất liệu: Ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE, đầu bông, que gỗ; cân nặng 5g; kích thước 12x150mm; độ dày 0,2mm; màu sắc ống trong suốt, nắp màu đỏ hoặc xanh; sức chứa của mẫu vật 0,15ml; đóng gói tiệt trùng từng chiếc Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	Chiếc	100	
14	Trang phục chống dịch cấp độ 2	Bộ quần áo liền, có mũ; kính bảo hộ; găng tay y tế; bao giày; khẩu trang y tế - Chất liệu: vải không dệt PPE Membrane định lượng 60 g/m ² - Màu sắc: trắng hoặc xanh. HSD: 24 tháng kể từ ngày nhận	Bộ	Bộ	70	
15	Bơm kim tiêm	Thể tích 5ml, chất liệu nhựa PP Hạn sử dụng : Còn tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nhận	100 chiếc/ hộp	Hộp	09	TTBYT Loại B

E DANH MỤC HOÁ CHẤT DIỆT CÔN TRÙNG						
STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Phân loại
1	Thuốc diệt muỗi Permethrin	Thành phần chính: Permethrin50%, chất nhũ dầu Quy cách: chai 1 lít (1000ml) Công dụng: diệt muỗi, côn trùng (gián, kiến, ruồi, sâu, bọ chét, ve...). HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	Chai 1 lít	Chai	50	 Không phân loại
2	Hóa chất diệt bọ gậy, lăng quăng	Hoạt chất: Temephos 1%. Quy cách: gói 0,5kg (500g) Công dụng: diệt bọ gậy, lăng quăng tại cống rãnh, nguồn nước thải, lọ hoa, bể cảnh,... HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	500gr/gói	Gói	60	
3	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	70% tt/tt Ethanol; 0,5% tt/tt Chlorhexidine Digluconate; Hàm lượng phụ gia vừa đủ HSD: 12 tháng kể từ ngày nhận	0,5 lít/chai	Chai	40	